

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị D**, sinh năm 1990

Đăng ký HKTT: **Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, t.õnh T; nơi ở: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Thị D** và anh **Nguyễn Tuấn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao 02 (hai) con chung là **Nguyễn Hoài A**, sinh ngày 08/12/2013 và **Nguyễn Nhã U**, sinh ngày 01/7/2019 cho chị **Hoàng Thị D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn, anh **Nguyễn Tuấn T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu thứ nhất **Nguyễn Hoài A**, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng

(Hai triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Hoài A đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Tuấn T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Tuấn T cùng xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị D tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên hệ thống thông tin điện tử số 000000811203, ngày 28/11/2023, mã Thông báo: A0VRFWATFO ký bởi Công ty cổ phần T2 (tương ứng BLTU số 0000254 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục T1 hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh T). Hoàn trả cho chị Hoàng Thị D số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị D đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Tuấn T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đội Cấn (nay là phường Đội Cấn), TP. Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

